|  |
| --- |
| ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Đà Nẵng*, ngày tháng năm |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ**

***(Ban hành kèm theo Quyết định số ... /QĐ-ĐHKT ngày tháng năm của***

***Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Trình độ đào tạo | : | **TIẾN SĨ** |
| Ngành | : | **TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG** |
| Mã ngành | : | **62.34.02.01** |
| Tên ngành (Tiếng Anh) | : | **FINANCE – BANKING** |
| Hình thức đào tạo | : | **Tập trung** |

**1. Mục tiêu đào tạo**

**1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng nhằm mục tiêu đào tạo những nhà khoa học trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng có trình độ cao về lý thuyết, nắm vững những kiến thức lý thuyết hiện đại nhất với năng lực thực hành phù hợp, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, chủ động phát hiện và giải quyết những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học và có đủ kiến thức và kỹ năng để hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

**1.2. Chuẩn đầu ra**

Nghiên cứu sinh ngành Tài chính - Ngân hàng khi tốt nghiệp có các năng lực sau:

***1.2.1. Kiến thức***

***Kiến thức cơ bản***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Mã CĐR chuyên ngành | Tên chuẩn đầu ra về kiến thức cơ bản |
| 1 | CĐR1 | Có hiểu biết rộng về kiến thức kinh tế và kinh doanh. |
| 2 | CĐR2 | Sử dụng thông thạo một phần mềm phân tích định lượng như STATA, EVIEWS |
| 3 | CĐR3 | Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong học thuật |

***Kiến thức nghề nghiệp***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Mã CĐR chuyên ngành | Tên chuẩn đầu ra về kiến thức nghề nghiệp |
| 1 | CĐR4 | Nắm vững một cách toàn diện, đầy đủ, có hệ thống ở trình độ cao các kiến thức lý thuyết trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. |
| 2 | CĐR5 | Có khả năng cập nhật và thực hiện tổng thuật các nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. |
| 3 | CĐR6 | Có khả năng vận dụng các kiến thức lý thuyết vào các hoạt động quản lý ở tầm vĩ mô cũng như ở tầm các định chế tài chính một cách sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. |
| 4 | CĐR7 | Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học trong Tài chính – Ngân hàng. |

***1.2.2. Kỹ năng***

***Kỹ năng cơ bản***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Mã CĐR chuyên ngành | Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng cơ bản |
| 1 | CĐR8 | Có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo |
| 2 | CĐR9 | Có khả năng khai phá và phát triển tri thức mới |
| 3 | CĐR10 | Phát triển kỹ năng phê phán, đánh giá |
| 4 | CĐR11 | Có kỹ năng tổ chức ứng dụng các kiến thức lý thuyết vào thực tiễn |

***Kỹ năng nghề nghiệp***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Mã CĐR chuyên ngành | Tên chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề nghiệp |
| 1 | CĐR12 | Có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, chủ động phát hiện và giải quyết các vấn đề mới có ý nghĩa về học thuật và thực tiễn. |
| 2 | CĐR13 | Có khả năng tổ chức công tác nghiên cứu khoa học, hướng dẫn nghiên cứu khoa học một cách độc lập. |
| 3 | CĐR14 | Có kỹ năng về trình bày và công bố các công trình khoa học theo các chuẩn mực chung, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ trong nghiên cứu khoa học và giao tiếp chuyên môn. |

***1.2.3. Thái độ và hành vi***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Mã CĐR chuyên ngành | Tên chuẩn đầu ra về thái độ và hành vi |
| 1 | CĐR15 | Có phẩm chất chính trị tốt, có ý thức cao về trách nhiệm của bản thân đối với sự hưng thịnh của đất nước, có ý thức góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng dân tộc. |
| 2 | CĐR16 | Tuyệt đối trung thực trong nghiên cứu khoa học và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức có tính quốc tế của hoạt động nghiên cứu khoa học. |
| 3 | CĐR17 | Có thái độ tích cực cầu thị, tinh thần hợp tác cao trong nghiên cứu khoa học. |
| 4 | CĐR18 | Tích cực ủng hộ cái mới trong khoa học, nỗ lực góp phần phát hiện và bồi dưỡng các tài năng khoa học. |

**1.3. Cơ hội việc làm**

Tiến sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng do Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng đào tạo có thể đảm nhiệm các vị trí công tác sau:

- Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng có các chuyên ngành về Tài chính - Ngân hàng hoặc các trường đại học có các chuyên ngành về Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

- Nghiên cứu tại các viện nghiên cứu chuyên sâu về Tài chính - Ngân hàng, hoặc các viện nghiên cứu về kinh tế.

- Nghiên cứu và/hoặc giảng dạy tại các bộ phận nghiên cứu hoặc các trung tâm đào tạo của các tổ chức Tài chính - Ngân hàng (các ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán…) và các cơ quan quản lý tài chính công.

- Đảm nhiệm các vị trí quản lý ở các cấp độ thuộc các lĩnh vực sau:

+ Quản lý nhà nước về tài chính công.

+ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

+ Các cơ quan khác có chức năng quản lý vĩ mô về tài chính, tiền tệ và ngân hàng.

- Đảm nhiệm các vị trí quản lý tại ngân hàng và các định chế tài chính khác, quản trị tài chính trong các doanh nghiệp.

**2. Thời gian đào tạo**: Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với nghiên cứu sinh (NCS) có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục; đối với NCS có bằng tốt nghiệp đại học là 4 năm tập trung liên tục.

**3. Khối lượng kiến thức toàn khóa**:

**4. Đối tượng tuyển sinh**: Thạc sĩ cùng/gần chuyên ngành đào tạo Tiến sĩ

**5.Qui trình đào tạo**: Hình thức tín chỉ.

**6. Thang điểm**: Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ.

**7. Nội dung chương trình:**

***7.1. Học phần bắt buộc***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ |
|
| 01 |  | Công cụ tài chính vĩ mô | 2 |
| 02 |  | Tài chính công ty nâng cao | 2 |
| 03 |  | Các mô hình tài chính hiện đại | 2 |
| 04 |  | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Tài chính – Ngân hàng | 2 |
| 05 |  | Quản trị rủi ro tài chính | 2 |

***7.2. Học phần tự chọn (Chọn 2 tín chỉ)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ |
|
| 06 |  | Quản trị công ty | 2 |
| 07 |  | Quyết định quản trị | 2 |
| 08 |  | Các phương pháp thống kê kinh doanh nâng cao | 2 |

1. **Ma trận mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra và các học phần** *(đính kèm theo chương trình đào tạo này)*
2. **Các chương trình đào tạo được tham khảo** *(đính kèm theo chương trình đào tạo này)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Chương trình tham khảo, trường | Địa chỉ website tham chiếu (nếu có) |
| 1 | Doctor of Philosophy, Banking and Finance, Monash University, Australia. | https://www.monash.edu.au/pubs/handbooks/aos/banking-and-finance-phd-program/ |
| 2 | Doctor of Philosophy, Banking and Finance, University of Zurich, Switzerland. | http://www.degrees.uzh.ch/en/50000003/50609458/50609826 |
| 3 | PhD Program, Major in Finance, Florida State University, USA | https://business.fsu.edu/phd-finance |
| 4 | Chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc Gia Hà Nội | http://ueb.edu.vn/Sub/64/newsdetail/tiensi/11169/chuong-trinh-dao-tao-tien-si-chuyen-nganh-tai-chinh-ngan-hang.htm |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HỘI ĐỒNG**  **XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG** |